

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 92/2019/HSST

Ngày: 04-9-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nghiêm Thế Hùng

Ông Quách Đình Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 118/2019/TLST – HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

N V P, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1962 tại Bình Định;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã T Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Phòng trọ số 17, đường P Đ G, tổ 3, phường H L, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ chụp hình; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (đã chết) và bà Dương Thị P, sinh năm 1928; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1960 và có ba con (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo N V P bị tạm giữ từ ngày 26-3-2019 đến ngày 04-4-2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1961. Nơi cư trú: số 17 đường P Đ G, tổ 03, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Quang S, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ 3, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Dương Mỹ P, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số 84/3 N T, tổ 12, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nảy sinh ý định mua ma túy về để bán kiếm lời nên vào khoảng 18 giờ ngày 26-3-2019, N V P đi taxi (không xác định hãng xe, biển số xe) đến trước khu vực trường Trung cấp Lâm nghiệp tỉnh Gia Lai, gặp một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) mua 01 gói ma túy đá với giá 1.700.000đồng. Sau khi mua xong, P đi taxi đem số ma túy trên về phòng trọ ở tại số 17 đường P Đ G, tổ 3, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại phòng trọ, P lấy số ma túy đã mua và bì nylon ra phân chia ra thành 05 gói nhỏ và 01 gói lớn. Mục đích của P là mỗi gói nhỏ sẽ bán với giá 200.000đồng và gói lớn bán với giá 1.500.000đồng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, có một người phụ nữ (không rõ lai lịch) gọi đến điện thoại của Phúc hỏi mua ma túy đá, với số tiền 2.000.000đồng và hẹn P đến trước phòng số 02 khu nhà trọ 202/10 đường Q T, thành phố P, để giao ma túy thì P đồng ý. Ngay lúc này, P đón taxi (không rõ hãng và biển số xe) mang theo 04 gói ma túy nhỏ và 01 gói ma túy lớn. Đến 19 giờ 15 phút cùng ngày, khi P đi đến trước phòng số 02 khu nhà trọ 202/10 đường Q T, tổ 04, phường I K, thành phố P, để bán cho người phụ nữ nêu trên thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện và bắt quả tang; thu giữ của P 05 bì nylon bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (đã được niêm phong theo quy định, ghi số I). Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của Phúc, thì P đã giao nộp 01 gói nylon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể (đã được niêm phong theo quy định, ghi số II). Tại Cơ quan điều tra, P khai nhận: Toàn bộ số ma túy đã thu giữ của P là ma túy đá, P tàng trữ để bán kiếm lời. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của P 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B310 (không có số Imei) kèm sim số có số seri: 8401161033863110.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 299/KLGD ngày 02-4-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

“Chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong 05 gói nylon trong bì thư niêm phong ghi “Đánh số (I)” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 4,5663 gam. Chất rắn màu trắng, dạng tinh thể trong 01 gói nylon trong bì thư niêm phong ghi “Đánh số (II)” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,4177 gam”

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 06 tháng 8 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo N V P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phúc mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số ma túy còn lại sau giám định, gồm 5,655 gam loại Methamphetamine trong bao gói ghi số 299/PC09 ngày 02-4-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Mobiistar cùng sim số đã thu giữ, Phúc đã dùng vào việc liên lạc để mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận giám định số 299/KLGD ngày 02-4-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 26-3-2019, N V P đi đến trước khu vực trường Trung cấp Lâm nghiệp tỉnh Gia Lai, mua 01 gói ma túy đá với giá 1.700.000đồng của 01 thanh niên (không rõ lai lịch). Sau khi mua được ma túy, P mang về phòng trọ ở tại số 17 đường P Đ G, tổ 3, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó P phân chia số ma túy này thành 05 gói nhỏ và 01 gói lớn, với mục đích để bán kiếm lời. Đến 19 giờ 15 phút cùng ngày, P mang theo 04 gói ma túy nhỏ và 01 gói ma túy lớn đến trước phòng trọ số 02 nhà trọ 202/10 Q T, tổ 04, phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai để bán cho 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố P bắt quả tang cùng tang vật. Tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của P, đã thu giữ 01 gói ma túy còn lại. Qua giám định, xác định toàn bộ số ma túy mà P tàng

trữ để bán, có tổng khối lượng 5,984 gam Methamphetamine. Bị cáo N V P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Về hành vi của bị cáo N V P có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy”, hành vi của bị cáo được xác định là tội phạm rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cụ thể: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Căn cứ vào quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định, gồm 5,655 gam loại Methamphetamine trong 02 bì công văn ghi số 299/PC09 ngày 02-4-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar cùng sim số đã thu giữ, Phúc đã dùng vào việc liên lạc để mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công.

Đối với đối tượng nam thanh niên là người mà bị cáo Phúc khai đã bán ma túy loại Methamphetamine cho P tại khu vực Trường Lâm nghiệp tỉnh Gia Lai do bị cáo P không biết được nhân thân, lai lịch của người này nên chưa có căn cứ để

điều tra. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với người phụ nữ đã gọi điện hỏi mua ma túy của P, do sau khi nghe điện thoại xong, P đã xóa nên khi tiến hành mở nhật ký điện thoại đã thu giữ của P thì không xác định được số điện thoại của người phụ nữ này. Qua xác minh, xác định: Chị D M P, sinh năm 1992 (là người ở phòng trọ số 02 khu nhà trọ 202/10 đường Q T, tổ 04, phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai) nhưng chị P không liên lạc mua ma túy của P nên chưa có căn cứ để điều tra. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với ông N Q S là chủ nhà trọ số 17 đường P Đ G, tổ 3, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai – nơi P thuê ở và bà N T N T là vợ của P là người ở cùng với P. Việc P cất giấu ma túy tại phòng trọ để bán kiếm lời thì ông S và bà T đều không biết nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N V P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo N V P 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 26-3-2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, gồm 5,655 gam loại Methamphetamine trong 02 (hai) bì công văn số 299/PC09 ngày 02-4-2019 đánh số I, II có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại động hiệu Mobiiistar B310 kèm sim số, trên sim có số seri: 8401161033863110 (điện thoại màu cam, điện thoại cũ, đã qua sử dụng)

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09-8-2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo N V P phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

